



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG LẦN 2 (SỐ 5)

LIST OF EXTENDED ACCREDITED TESTS, SECOND EXPANSION (No 5)

**(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: /QĐ - VPCNCLQG
ngày tháng 12 năm 2025 của Giám đốc Văn phòng Công nhận
chất lượng quốc gia/of BoA Director)**

Tên phòng thí nghiệm: **Khoa Nghiên cứu và Phát triển**
Laboratory: **Laboratory of Research and development**

Tổ chức /Cơ quan chủ quản: **Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia**
Organization: **National Institute for Food Control**

Số hiệu/ Code: **VILAS 203**

Chuẩn mực công nhận
Accreditation criteria **ISO/IEC 17025:2017**

Lĩnh vực: **Hóa**
Field: **Chemical**

Người quản lý: **Lê Thị Hồng Hảo**
Laboratory manager: **Le Thi Hong Hao**

Hiệu lực công nhận
Period of Validation: **từ ngày / 12 /2025 đến ngày 22/12/2026**

Địa chỉ: **Số 65 Phạm Thận Duật, P. Phú Diễn, TP. Hà Nội**
Address: **No 65, Pham Than Duat Street, Phu Dien ward, Ha Noi City**

Địa điểm: **Số 65 Phạm Thận Duật, P. Phú Diễn, TP. Hà Nội**
Location: **No 65, Pham Than Duat Street, Phu Dien ward, Ha Noi City**

Điện thoại/ Tel: **02439714512**

Email: **qm@nifc.gov.vn**

Website: **www.nifc.gov.vn**

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG LẦN 2 (SỐ 5)*LIST OF EXTENDED ACCREDITED TESTS, SECOND EXPANSION (No 5)***VILAS 203****KHOA ĐỘC HỌC VÀ DỊ NGUYÊN****LABORATORY OF FOOD TOXICOLOGY AND ALLERGENS****Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa***Field of testing: Chemical*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Thực phẩm <i>Food</i>	Xác định hàm lượng HMF Phương pháp HPLC <i>Determination of HMF (5-Hydroxymethylfurfural) content HPLC method</i>	5,0 µg/g	NIFC.05.M.322 (2025)
2.		Xác định hàm lượng Capsaicinoid (Capsaicin, Dihydrocapsaicin, Nordihydrocapsaicin) Phương pháp HPLC <i>Determination of Capsaicinoid content HPLC method</i>	Capsaicinoid: 1,0 mg/100g Mỗi chất/ <i>each compound</i>	NIFC.05.M.273 (2025)
3.		Xác định hàm lượng Isoflavones (Puerarin, Daidzin, Genistin, Glycitin, Daidzein, Genistein, Glycitein) Phương pháp HPLC <i>Determination of Isoflavones content (Puerarin, Daidzin, Genistin, Glycitin, Daidzein, Genistein, Glycitein) HPLC method</i>	10 µg/g Mỗi chất/ <i>each compound</i>	NIFC.05.M.210 (2025)

Chú thích/ Note:

- ISO: *International Organization for Standardization.*
- TCVN: *Tiêu Chuẩn Việt Nam / Vietnam standard*
- NIFC ...: *phương pháp nội bộ PTN/laboratory's developed method.*

Trường hợp Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for National Institute for Food Control that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*

